TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 13- 01- 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tân; Ông Đào Quang Tuấn .

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH không tham gia phiên toà: Không.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Đỗ Thị Đ; sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn VT, xã Tr, huyện TT, tỉnh TH.

- *Bị đơn.*

Bà Bùi Thị H; sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn TH, xã TM, huyện TT, tỉnh TH.

Tại phiên tòa có mặt bà Đỗ Thị Đ và bà Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 02/10/2003 bà Bùi Thị H có vay của bà Đỗ Thị Đ số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), khi vay thỏa thuận miệng lãi xuất 2%/01 tháng trên 01 triệu đồng, mỗi tháng trả lãi một lần, thời hạn vay là

03 năm tính từ ngày 02/10/2003. Từ ngày vay đến nay bà H mới trả cho bà Đ được 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền lãi.

Đến hạn trả nợ, bà Đ đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả tiền. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đ số tiền gốc là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng). Bà Đ không yêu cầu bà H trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Bùi Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên năm 2001 bà Bùi Thị H có vay của bà Đ số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), khi vay lãi xuất 5 nghìn đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 02/10/2003 hai bên chốt nợ, theo đó bà H còn nợ bà Đ số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Bà H đã trả cho bà Đ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Gần đây (Bà H không nhớ ngày, tháng, năm nào) bà Đ có đưa 2 người lên nhà bà H đòi nợ (bà H không biết là ai), sau đó bà Đ và bà H có chốt nợ là bà H nợ bà Đ số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), giấy tờ do bà Đ giữ .

Nay bà H khẳng định bà H chỉ nợ bà Đ số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bà H trả cho bà Đ trước đây, bà H xem như là trả tiền lãi cho bà Đ nên bà không yêu cầu tính số tiền này để trả vào số tiền gốc.

Bà H yêu cầu bà Đ mời hai người mà bà Đ đã đưa đến nhà bà H cùng đòi nợ với bà Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

Bà Đ trình bày không cho ai đến nhà bà H để đòi nợ bà H, bà Đ cũng không chốt nợ với bà H là bà H còn nợ bà số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Bà Đ không chấp nhận đề nghị đưa người làm chứng vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Theo yêu cầu của bà Bùi Thị H, Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để yêu cầu bà H cung cấp họ, tên, tuổi, địa chỉ của người làm chứng do bà H yêu cầu.

Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả nợ cho bà Đ số tiền bà H vay của bà Đ ngày 02/10/2003 là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng). Bà Đ không yêu cầu bà H trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị H trả số tiền gốc đã vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Bùi Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện TT, tỉnh TH nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện TT.

[2] Về người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu đưa người làm chứng vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Hội đồng xét xử thấy: Bà Đ trình bày không cho ai đến nhà bà H để đòi nợ bà H; bà Đ cũng không chốt nợ với bà H số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Theo yêu cầu của bà Bùi Thị H, Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để yêu cầu bà H cung cấp họ, tên, tuổi, địa chỉ của người làm chứng do bà H yêu cầu, tuy nhiên trong thời hạn Tòa án yêu cầu cũng như trong cả quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được ai là người bà đề nghị đưa và tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người làm chứng. Vì vậy yêu cầu này của bà H không được chấp nhận.

[3] Bà Bùi Thị H trình bày chỉ vay của bà Đ số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) nhưng bà H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà chỉ vay của bà Đ số tiền 8.000.000đ. Tại giấy vay ngày 02/10/2003 bà Bùi Thị H đã ký nhận có vay của bà Đ số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 02/10/2003. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn trả nợ, là hợp đồng vay tài sản hợp pháp.

Đến hạn trả nợ, bà Đ đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả tiền. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đ số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở nên yêu cầu của bà Đ được chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Trong giấy vay tiền thể hiện vay có lãi xuất nhưng không rõ lãi xuất bao nhiêu %. Hạn trả nợ là hết ngày 02/10/2006. Đến hạn trả nợ, bà H mới trả cho bà Đ số tiền 1.000.000 đồng. Tính từ ngày 03/10/2006 bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ, nay bà Đ không yêu cầu bà H trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của bà Đ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

- Bà Đỗ Thị Đ là người cao tuổi, nên miễn tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm.

- Yêu cầu của bà Đỗ Thị Đ được chấp nhận nên bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bà Bùi Thị H là hộ nghèo, bà H đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; 463; 466; 468; 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự. điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đỗ Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H (Hộ nghèo).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Đỗ Thị Đ và bà Bùi Thị H. Bà Đ, bà H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh TH;
- Chi cục THA huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.